**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Cấp độ****Tên** **chủ đề**  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| Chủ đề 1Chương 1: Điện học | Công tính điện trở tương đương đối với các, đoạn mạch,- Công thức điện, công suất, nhiệt lương tỏa ra của dây dẫn  | - Mối quan hệ giữa I, U, R trong các mạch,  | Thành thạo các công thức để tính. I, U, R trong các đoạn mạch.Q = I2.R.t, = U.I để giải được một số bài tập đơn giản có liên quan, đến thụ điện năng. | A = .t = U.I.t đối với đoạn mạch tiêu thụ điện năng |  |
| Số câu :Số điểm  | 61,5 | 41 | 30,75 | 10,25 | 143,5  |
| **Chủ đề *2*****Chương II:****Điện từ học** | Điều kiện để có dòng điện cảm ứng xoay chiều .Nguyên tắc cấu tạo của máy phát điện xoay chiều. | Công suất hao phí tỉ lệ nghịch với bình phương U, tỉ lệ thuận với R- Nguyên tắc cấu tạo MBA,quan hệ giữa U và n. | Vận dụng công thức: U1/U2=n1/n2 | Công thức: U1/U2=n1/n2Để giải được bài tập về truyền tải điện năng |  |
| *Số câu: 13**Số điểm*  | 61,5 | 41 | *2**0,5* | *2**0,5* | 143,5 |
| **Chủ đề *3*****Chương III:****Quang học** | Đường truyển của 3 tia sáng đặt biệt qua thấu kính hội tụ .- Các bộ phận chính của mắt: thể thủy tinh và màng lưới .- Các kính lúp là số bội giác của kính lúp và khi dùng kính lúp có số bội giác càng lớn thì quan sát thấy ảnh càng lớn . | -.Nêu được đặc điểm của mắt cận và cách sữa chữa Đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ Cách dựng được ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ | Đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ  | Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ bằng cách sử dụng các tia đặc biệt . |  |
| *Số câu* *Số điểm*  | *8**2* | 20,5 | *1**0,25* | *1**0,25* | *12**3* |
| Tổng số câu Tổng số điểm | 205 | 102,5 | *6**1,5* | *4**1* | 4010 |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 MÔN VẬT LÝ** |
| **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **Thời gian làm bài : 60 phút không kể thời gian phát đề** |
|  | **ĐỀ: 1** |

**Câu 1:** Đặc điểm nào sau đây là **không** phù hợp với thấu kính phân kỳ?

A. Có phần rìa mỏng hơn ở giữa.

B. Làm bằng chất liệu trong suốt.

C. Có thể có một mặt phẳng còn mặt kia là mặt cầu lõm.

D. Có thể hai mặt của thấu kính đều có dạng hai mặt cầu lõm.

**Câu 2:**Trộn hai hay nhiều chùm sáng với nhau bằng cách chiếu các chùm sáng đó vào cùng một chổ trên tấm màn

A. màu trắng. B. màu xanh. C. màu đen. D. bất kì màu nào.

**Câu 3:** Khi hiệu điện thế đặt vào hai đầu một bóng đèn càng lớn thì cường độ dòng điện chạy qua bóng đèn sẽ

A. càng nhỏ. B. càng lớn. C. không thay đổi. D. lúc đầu tăng, sau đó lại giảm.

**Câu 4:** Cường độ dòng điện chạy qua một đoạn mạch

A. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.

B. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.

C. không thay đổi khi thay đổi hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.

D. giảm khi tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu đoạn mạch này.

**Câu 5:** Để xác định sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài, bốn học sinh có nhận xét như sau, hỏi nhận xét nào đúng?

A. Dây dẫn càng dài thì điện trở càng lớn.

B. Dây dẫn càng dài thì điện trở càng bé.

C. Dây dẫn càng dài thì dẫn điện càng tốt.

 D. Chiều dài dây dẫn không có ảnh hưởng gì đến điện trở của dây.

**Câu 6:** Một dây dẫn tiết diện S và có điện trở R. Nếu tăng tiết diện dây lên 5 lần thì điện trở R’ là:

A.. B.. C.. D..

**Câu 7:** Hệ thức của định luật Ôm là:

A. I = U.R . B. I = . C. I = . D. R = .

**Câu 8:** Trên một biến trở có ghi (50 Ω - 2,5 A). Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt vào hai đầu dây cố định của biến trở là

A. U = 125 V. B. U = 52,5V. C. U = 20V. D. U = 47,5V.

**Câu 9:** Công thức nào dưới đây ***không******phải*** là công thức tính công suất P của đọan mạch chỉ chứa điện trở R, được mắc vào hiệu điện thế U, dòng điện chạy qua có cường độ I.

A. P = U.I. B. P = . C. P = . D. P = I 2.R .

**Câu 10:** Khi mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế 3V thì dòng điện chạy qua nó có cường độ 0,2A. Công suất tiêu thụ của bóng đèn này là

A. 0,6 J B2,8W. C. 15W D. . 0,6W

**Câu 11:** Hai điện trở R1 = 10Ω và R2 = 30Ω mắc nối tiếp vào hiệu điện thế U = 12V. Công suất tiêu thụ của mỗi điện trở sẽ có giá trị nào sau đây?

A. P1 = 0,9W; P2 = 3,6W.

 B. P1 = 3,6W; P2 = 2,7W.

C. P1 = 2,7W; P2 = 0,9W.

 D. P1 = 0,9W;P2 = 2,7W.

**Câu 12:** Điện năng chuyển hóa chủ yếu thành nhiệt năng trong hoạt động của các dụng cụ và thiết bị điện nào sau đây?

A. Máy khoan, máy bơm nước, nồi cơm điện.

B. Máy sấy tóc, máy bơm nước, máy khoan.

C. Mỏ hàn, bàn là điện, máy xay sinh tố.

D. Mỏ hàn, nồi cơm điện, bàn là điện.

**Câu 13:**Qui tắc nắm tay phải dùng để

A. xác định chiều của lực từ trong ống dây có dòng điện.

B. xác định chiều của lực điện từ.

C. xác định chiều của đường sức từ trong ống dây có dòng điện.

 D. xác định chiều của dòng điện.

**Câu 14:** Hình bên vẽ một thanh nam châm thẳng treo gần một ống

dây có dòng điện. Khi đóng khóa K hiện tượng gì sẽ xảy ra?

A. Nam châm bị lệch sang trái.

B. Nam châm bị lệch sang phải.

C. Lò xo bị nén lại.

D. Lò xo bị dãn ra.

**Câu 15:** Khi tăng số vòng dây của nam châm điện thì lực từ của nam châm điện

A. tăng. B. giảm. C. không tăng, không giảm. D. lúc tăng, lúc giảm.

**Câu 16**Với một dòng điện có cường độ nhất định, ta có thể tạo được một nam châm điện có lực từ mạnh hơn bằng cách

A. tăng chiều dài lõi của ống dây.

B. giảm chiều dài lõi của ống dây.

C. tăng số vòng dây.

D. giảm số vòng dây.

**Câu 17:**Vật nào sau đây hoạt động dựa trên tác dụng từ của nam châm lên ống dây có dòng điện chạy qua?

A. Mỏ hàn điện. B. Loa điện. C. Bóng đèn dây tóc D. Ấm điện.

**Câu 18:** Trong quy tắc bàn tay trái, đặt bàn tay trái sao cho các đường sức từ

A. hướng vào lòng bàn tay.

B. song song với lòng bàn tay.

C. hướng theo chiều của ngón tay cái.

N

S

**A**

B

**I**

D. hướng từ cổ tay đến các ngón tay.

**Câu 19:** Đoạn dây dẫn thẳng AB có dòng điện cường độ I chạy qua được đặt nằm

ngang, vuông góc với các đường sức từ giữa hai cực của nam châm như hình vẽ.

 Lực điện từ tác dụng lên đoạn dây dẫn AB có chiều

A. hướng thẳng đứng lên trên.

B. hướng thẳng đứng xuống dưới.

C. hướng thẳng từ trong ra ngoài mặt phẳng hình vẽ.

D. hướng thẳng từ ngoài vào trong mặt phẳng hình vẽ.

**Câu 20:** Khi quan sát một vật có màu đỏ bằng ánh sáng trắng ta thấy vật có màu

A. vàng. B. xanh lục. C. đỏ. D. trắng.

**Câu 21:** Điện trở R = 8 mắc vào hai điểm có hiệu điện thế 12V thì cường độ dòng điện chạy qua điện trở

A. 96A. B. 4A. C. ****A. D. 1,5A.

**Câu 22:** Mạch điện kín gồm hai bóng đèn được mắc nối tiếp, khi một trong hai bóng đèn bị hỏng thì bóng đèn còn lại sẽ

A. sáng hơn. B. vẫn sáng như cũ. C. không hoạt động. D. tối hơn.

**Câu 23:** Mắc nối tiếp R1 = 40Ω và R2 = 80Ω vào hiệu điện thế không đổi 12V, Cường độ dòng điện chạy qua điện trở R1 là

A. 0,1A. B. 0,15A. C. 1A. D. 0,3A.

**Câu 24:** Các công thức sau đây, công thức nào là công thức tính điện trở tương đương của hai điện trở mắc song song ?

A. R = R1 + R2. B . R =. C. . D. R = .

**Câu 25:** Dòng điện xoay chiều là dòng điện

A. đổi chiều không theo qui luật.

B. lúc thì có chiều này lúc thì có chiều ngược lại.

C. luân phiên đổi chiều với chu kỳ không đổi.

D. có chiều không đổi theo thời gian.

**Câu 26:** Khi tăng hiệu điện thế hai đầu dây dẫn trên đường dây truyền tải điện lên gấp đôi thì công suất hao phí trên đường dây sẽ

A. giảm đi một nửa. B. giảm đi bốn lần C. tăng lên gấp đôi. D. tăng lên gấp bốn.

**Câu 27:** Pháp tuyến là đường thẳng

A. tạo với tia tới một góc vuông tại điểm tới.

B. tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc vuông tại điểm tới.

C. tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc nhọn tại điểm tới.

D. song song với mặt phân cách giữa hai môi trường.

**Câu 28:** Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc khúc xạ (r) là góc tạo bởi

A. tia khúc xạ và pháp tuyến tại điểm tới.

B. tia khúc xạ và tia tới.

C. tia khúc xạ và mặt phân cách.

 D. tia khúc xạ và điểm tới.

**Câu 29:** Đặt mắt phía trên một chậu đựng nước quan sát một viên bi ở đáy chậu ta sẽ

A. không nhìn thấy viên bi.

B. nhìn thấy ảnh ảo của viên bi trong nước.

C. nhìn thấy ảnh thật của viên bi trong nước.

D. nhìn thấy đúng viên bi trong nước.

**Câu 30:** Tương tác giữa hai nam châm:

A. các từ cực cùng tên thì hút nhau; các cực khác tên thì đẩy nhau.

B. các từ cực cùng tên thì đẩy nhau; các cực khác tên thì hút nhau.

C. các từ cực cùng tên không hút nhau cũng không đẩy nhau; các cực khác tên thì đẩy nhau.

D. các từ cực cùng tên thì hút nhau; các cực khác tên không hút nhau cũng không đẩy nhau.

**Câu 31:** Từ trường **không** tồn tại ở đâu?

A.Xung quanh một nam châm.

B. Xung quanh một dây dẫn có dòng điện chạy qua.

C. Xung quanh điện tích đứng yên.

D. Mọi nơi trên Trái Đất.

**Câu 32:** Hãy chọn phương án đúng:Đường sức từ là những đường cong

A. mà ở bên ngoài thanh nam châm, nó có chiều đi từ cực nam đến cực bắc.

B. mà độ dày thưa được vẽ một cách tùy ý.

C. mà không liền nét, nối từ cực nọ đến cực kia của nam châm.

D. mà ở bên ngoài thanh nam châm, nó có chiều đi từ cực bắc đến cực nam.

**Câu 33:** Chiếu một tia sáng vuông góc với bề mặt thủy tinh. Khi đó góc khúc xạ bằng

A. 900. B. 600. C. 300.D. 00.

**Câu 34:** Tia tới song song với trục chính của thấu kính hội tụ cho tia ló

A. đi qua điểm giữa quang tâm và tiêu điểm.

 B. song song với trục chính.

C. truyền thẳng theo phương của tia tới.

D. đi qua tiêu điểm.

**Câu 35:**Vật liệu nào **không** được dùng làm thấu kính

A. Thuỷ tinh trong. B. Nhựa trong. C. Nhôm. D. Nước.

**Câu 36:** Hình vẽ nào mô tả đúng đường truyền của tất cả các tia sáng qua trấu kính hội tụ

A. 1.

F

F /

S

1

S

F

F /

2

F

F /

S

3

F

S

F/

4

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 37:** Ảnh A’B’ của một vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính tại A và ở trong khoảng tiêu cự của một thấu kính hội tụ là

A. ảnh ảo ngược chiều vật.

 B. ảnh ảo cùng chiều vật.

C. ảnh thật cùng chiều vật.

 D. ảnh thật ngược chiều vật.

**Câu 38:** Vật đặt ở vị trí nào trước thấu kính phân kì cho ảnh trùng vị trí tiêu điểm

A. Đặt trong khoảng tiêu cự.

B. Đặt ngoài khoảng tiêu cự.

C. Đặt tại tiêu điểm.

D. Đặt rất xa.

**Câu 39:** Nếu đưa một vật ra thật xa thấu kính phân kỳ thì ảnh của vật

A. di chuyển gần thấu kính hơn

 B. có vị trí không thay đổi.

C. di chuyển ra xa vô cùng.

 D. cách thấu kính một khoảng bằng tiêu cự.

**Câu 40 :** Khi chụp ảnh một vật cao 4m. Ảnh của vật trên phim có độ cao 2cm; khoảng cách từ vật kính đến phim là 4,5cm. Khoảng cách vật đến máy ảnh là:

A. 2m. B. 7,2m. C. 8m. D. 9m.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đ /A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CÂU** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đ/A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM** | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 MÔN VẬT LÝ** |
| **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **Thời gian làm bài : 60 phút không kể thời gian phát đề** |
|  | **ĐỀ: 2** |

**Câu 1:** Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn sẽ

A. giảm tỉ lệ với hiệu điện thế.

B. tăng tỉ lệ với hiệu điện thế.

C. không thay đổi.

D. lúc đầu tăng, sau đó lại giảm.

**Câu 2:** Điều nào sau đây là đúng khi nói về đường sức từ:

A. Tại bất kỳ điểm nào trên đường sức từ, trục của kim nam châm cũng tiếp xúc với đường sức từ tại điểm đó.

B. Với một nam châm, các đường sức từ cắt nhau.

C. Chiều của đường sức từ hướng từ cực bắc sang cực nam của kim nam châm thử đặt trên đường sức từ đó.

D. Bên ngoài một nam châm thì đường sức từ đi ra từ cực nam và đi vào cực bắc của nam châm đó.

**Câu 3:** Khi sử dụng qui tắc nắm tay phải, ta phải đặt bàn tay sao cho chiều của dòng điện trong các vòng dây theo chiều

A. từ cổ đến ngón tay.

B. của 4 ngón tay.

C. xuyên vào lòng bàn tay.

D. của ngón tay cái.

**Câu 4:** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm bao nhiêu lần thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn sẽ

A. luân phiên tăng giảm.

B. không thay đổi.

C. giảm bấy nhiêu lần.

D. tăng bấy nhiêu lần.

**Câu 5:** Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tỉ lệ thuận với giá trị điện trở của chúng.

B. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tỉ lệ nghịch với giá trị điện trở của chúng.

C. Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở tỉ lệ nghịch với giá trị điện trở của chúng.

D. Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở tỉ lệ thuận với giá trị điện trở của chúng.

**Câu 6:** Phát biểu nào đúng khi nói về đơn vị của điện trở ?

A. Một Ôm (1Ω ) là điện trở của một dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1A thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1V.

B. Một Ôm (1Ω ) là điện trở của một dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1V thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1A .

C. Một Ôm (1Ω ) là dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1A thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1V.

D. Một Ôm (1Ω ) là dây dẫn khi giữa hai đầu dây có hiệu điện thế 1V thì tạo nên dòng điện không đổi có cường độ 1A..

**Câu 7:**  Phát biểu nào sau đây là đúng: Khi mắc các điện trở nối tiếp

A. điện trở nào có giá trị nhỏ nhất thì cường độ dòng điện qua nó lớn nhất.

B. cường độ dòng điện qua điện trở ở cuối mạch điện là nhỏ nhất.

C. điện trở toàn mạch nhỏ hơn điện trở thành phần.

D. hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở.

**Câu 8:** Một mạch điện nối tiếp gồm có ba điện trở R1 = 12Ω , R2 = 15Ω , R3 = 23Ω mắc vào nguồn điện 12V thì cường độ dòng điện trong mạch là bao nhiêu?

A. I = 0.24A. B. I = 0,8A. C. I = 1A. D. I = 2,4A.

**Câu 9:** Hai điện trở R1 = 30Ω và R2 = 20Ω mắc song song vào hiệu điện thế U = 12V. Công suất tiêu thụ của mỗi điện trở sẽ có giá trị nào sau đây?

A. P1 = 4,8W;P2 = 7,2W.

B. P1 = 360W;P2 = 240W.

C. P1 = 7,2W;P2 = 4,8W.

D. P1 = 240W;P2 = 360W.

**Câu 10:** Trong nồi cơm điện, điện năng được chuyển hóa thành

A. nhiệt năng. B. cơ năng. C. hóa năng. D. năng lượng ánh sáng.

**Câu 11:** Bình thường kim nam châm luôn chỉ hướng

A. Bắc - nam. B. Đông - Nam. C. Tây - Bắc. D. Tây - Nam.

**Câu 12:** Phát biểu nào không đúng?

A. Khi đã bị nhiễm từ, thép duy trì từ tính lâu hơn sắt.

B. Thép bị khử từ nhanh hơn sắt.

C. Cùng một điều kiện như nhau, thép nhiễm từ kém hơn sắt.

D. Đặt lõi thép trong từ trường, lõi thép bị nhiễm từ.

**Câu 13:** Bộ phận chính của loa điện là

A. nam châm vĩnh cửu và ống dây gắn với màng loa.

B. nam châm điện và ống dây gắn với màng loa.

C. nam châm vĩnh cửu và khung dây.

D. khung dây và ống dây gắn với màng loa.

**Câu 14****:** Áp dụng qui tắc bàn tay trái để xác định lực điện từ tác dụng lên dây dẫn có dòng điện chạy qua như hình vẽ có chiều:

A. Từ phải sang trái.

B. Từ trái sang phải.

C. Từ trên xuống dưới.

D. Từ dưới lên trên.

**Câu 15:** Một thấu kính phân kì có tiêu cự 25cm. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm F và F’ là

A. 12,5cm. B. 25cm. C. 37,5cm. D. 50cm.

**Câu 16:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Dòng điện gây ra từ trường. B. Các hạt mang điện tích tạo ra từ trường.

C. Các vật nhiễm điện tạo ra từ trường. D. Các dây dẫn tạo ra từ trường.

**Câu 17:** Khi đưa một đầu của thanh nam châm thẳng lại gần một đầu của ống dây có dòng điện, có thể xảy ra hiện tượng nào sau đây:

A. Chúng chỉ hút nhau. B. Chúng chỉ đẩy nhau.

C. Chúng hút hoặc đẩy nhau. D. Chúng không tương tác.

**Câu 18:**Trong nam châm điện:

A. Nam châm nào có dòng điện chạy qua càng nhỏ thì nam châm đó càng mạnh.

B. Nam châm nào có số vòng dây càng ít thì nam châm đó càng mạnh.

C. Nam châm nào có dòng điện chạy qua càng lớn và số vòng dây càng nhiều thì nam châm đó càng mạnh

D. Nam châm nào có dòng điện chạy qua càng lớn và số vòng dây càng ít thì nam châm đó càng mạnh.

**Câu 19:** Chiếu một tia sáng từ không khí vào nước khi ta tăng dần góc tới thì góc khúc xạ

A. tăng nhanh hơn góc tới.

B. tăng chậm hơn góc tới.

C. ban đầu tăng nhanh hơn sau đó giảm.

 D. ban đầu tăng chậm hơn sau đó tăng với tỉ lệ 1:1.

**Câu 20:** Tia tới đi qua quang tâm của thấu kính hội tụ cho tia ló

A. đi qua tiêu điểm.

B. song song với trục chính.

C. truyền thẳng theo phương của tia tới .

D. có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

**Câu 21:** Khi đặt trang sách trước một thấu kính phân kỳ thì

A. ảnh của dòng chữ nhỏ hơn dòng chữ thật trên trang sách.

B. ảnh của dòng chữ bằng dòng chữ thật trên trang sách.

C. ảnh của dòng chữ lớn hơn dòng chữ thật trên trang sách.

D. không quan sát được ảnh của dòng chữ trên trang sách.

**Câu 22:** Để thu được ánh sáng trắng ta phải trộn ít nhất:

A. 2 chùm sáng màu thích hợp.

B. 3 chùm sáng màu thích hợp.

C. 4 chùm sáng màu thích hợp.

D. 5 chùm sáng màu thích hợp.

**Câu 23:** Trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng khi số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín

A. Nhiều. B. Không đổi. C. Biến thiên . D. Ít.

**Câu 24:** Mắt người có thể nhìn rõ một vật khi vật đó nằm trong khoảng

A. từ điểm cực cận đến mắt.

B. từ điểm cực viễn đến vô cực.

C. từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.

D. từ điểm cực viễn đến mắt.

**Câu 25:** Khi truyền tải một công suất điện P bằng một dây có điện trở R và đặt vào hai đầu đường dây một hiệu điện thế U, công thức xác định công suất hao phí P hp do tỏa nhiệt là

A. P hp = 

 B. P hp =

C. P hp = 

 D. P hp = 

**Câu 26:** Một vật có màu đen vì

A. vật phản chiếu ánh sáng màu đen đến mắt ta.

B. vật phản xạ toàn bộ ánh sáng chiếu tới nó.

C. vật tán xạ mạnh ánh sáng màu đen vào mắt ta.

D. vật hấp thụ mọi ánh sáng chiếu đến nó.

**Câu 27:** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tải điện, nếu tăng lên 10 lần thì công suất hao phí sẽ

A. tăng lên gấp 10 lần. B. giảm đi 100 lần

 C. giảm đi 10 lần . D. tăng lên gấp 100 lần

**Câu 28:** Khi nói về hiện tượng khúc xạ ánh sáng, nhận định nào sau đây là đúng?

A. Góc khúc xạ bao giờ cũng nhỏ hơn góc tới.

B. Góc khúc xạ bao giờ cũng lớn hơn góc tới.

C. Góc khúc xạ bao giờ cũng bằng góc tới.

D. Tuỳ từng môi trường tới và môi trường khúc xạ mà góc tới hay góc khúc xạ sẽ lớn hơn.

**Câu 29:**Khi tia sáng đi từ không khí tới mặt phân cách giữa không khí và nước thì

A. chỉ có thể xảy ra hiện tượng khúc xạ ánh sáng.

B. chỉ có thể xảy ra hiện tượng phản xạ ánh sáng.

C. có thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ ánh sáng.

D. không thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ ánh sáng.

**Câu 30:** Phát biểu nào sau đây là chính xác?

A. Cường độ dòng điện qua các mạch song song luôn bằng nhau.

B. Để tăng điện trở của mạch, ta phải mắc một điện trở mới song song với mạch cũ.

C. Khi các bóng đèn được mắc song song, nếu bóng đèn này tắt thì các bóng đèn kia vẫn hoạt động.

D. Khi mắc song song, mạch rẽ nào có điện trở lớn thì cường độ dòng diện đi qua lớn.

**Câu 31:**Một dây dẫn dài l và có điện trở là R. Nếu tăng chiều dài gấp 3 lần sẽ có điện trở R’ là bao nhiêu?

A. . B. . C. . D. .

**Câu 32:**Hai dây nhôm có cùng chiều dài, tiết diện dây thứ nhất 2mm2 có điện trở là 4Ω, tiết diện dây thứ hai 8mm2. Điện trở dây thứ hai

A. . B. . C. . D. .

**Câu 33:**Trên một biến trở con chạy có ghi: 20 - 2A . Ý nghĩa của những số đó là gì?

A. 20là điện trở lớn nhất của biến trở; 2A là cường độ dòng điện lớn nhất mà biến trở chịu được.

B. 20là điện trở lớn nhất của biến trở; 2A là cường độ dòng điện nhỏ nhất mà biến trở chịu được.

C. 20là điện trở nhỏ nhất của biến trở; 2A là cường độ dòng điện lớn nhất mà biến trở chịu được.

D. 20là điện trở nhỏ nhất của biến trở; 2A là cường độ dòng điện nhỏ nhất mà biến trở chịu được.

**Câu 34:**Đơn vị của công suất là:

A. Ampe (A) B. Vôn (V) C. Oát (W) D. Jun (J)

**Câu 35:** Một bếp điện có điện trở 44 Ω được mắc vào hiệu điện thế 220V, công suất tiêu thụ của bếp là

A. 176W. B. 9680W. C. 264W. D. 1100W.

**Câu 36:** Khi chiếu ánh sáng màu vàng vào tờ giấy trắng thì tờ giấy sẽ có màu

A. xanh nõn chuối. B. xanh nước biển. C. vàng. D. trắng

**Câu 37:** Trong hình vẽ, tia sáng có tia tới cùng phương với tia ló là

(2)

o

(1)

(3)

F/

A. tia 1.

B. tia 2 và 3.

C. tia 3.

D. tia 1 và 3.

**Câu 38:** Vật AB đặt trước thấu kính hội tụ cho ảnh A’B’; ảnh và vật nằm về cùng một phía đối với thấu kính ảnh A’B’

A. là ảnh ảo . B. nhỏ hơn vật. C.ngược chiều với vật. D. vuông góc với vật.

**Câu 39:** Thấu kính phân kì là loại thấu kính

A. có phần rìa dày hơn phần giữa.

B. có phần rìa mỏng hơn phần giữa.

C. biến đổi chùm tia tới song song thành chùm tia ló hội tụ.

D. có thể làm bằng chất rắn không trong suốt.

**Câu 40:** Khi chụp ảnh một vật đặt cách máy ảnh 9m. Ảnh của vật trên phim có độ cao 1,5cm; khoảng cách từ vật kính đến phim là 4,5cm. Chiều cao vật là:

A. 1m. B. 2m. C. 3m. D. 6m.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đ /A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CÂU** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đ/A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM** | **ĐÁP ÁN CHẤM ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 MÔN VẬT LÝ** |
| **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **Thời gian làm bài : 60 phút không kể thời gian phát đề** |
|  |  |

**Mỗi câu đúng được: 0,25 điểm**

**ĐỀ1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đ /A** | **A** | **A** | **B** | **A** | **A** | **B** | **B** | **A** | **B** | **D** | **D** | **D** | **C** | **D** | **A** | **C** | **B** | **A** | **D** | **C** |
| **CÂU** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đ/A** | **D** | **C** | **A** | **C** | **C** | **B** | **B** | **A** | **B** | **B** | **B** | **D** | **D** | **D** | **C** | **C** | **B** | **D** | **D** | **D** |

**ĐỀ2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đ /A** | **A** | **A** | **B** | **C** | **C** | **B** | **D** | **A** | **A** | **A** | **A** | **B** | **A** | **D** | **D** | **A** | **C** | **C** | **B** | **C** |
| **CÂU** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đ/A** | **A** | **B** | **C** | **C** | **B** | **D** | **B** | **D** | **C** | **C** | **A** | **C** | **A** | **C** | **D** | **C** | **A** | **A** | **A** | **C** |